

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGÔN NGỮ TRẺ EM: HÀNH ĐỘNG NGÔN TỪ VÀ HÀNH ĐỘNG CẦU KHIẾN LÊ THỊ TÓ UYÊN*

1. Đặt vấn đề

Đối với trẻ em, ngôn ngữ có vai trò quan trọng trong quá trình giao tiếp, tư duy và ngôn ngữ cũng góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ. Trên thế giới, các nghiên cứu về hành động ngôn từ của trẻ em đã được quan tâm từ rất sớm, đặc biệt là hành động cầu khiến (request) trong nhóm hành động điều khiển (directive speech acts). Bài viết này điểm lại những nghiên cứu trong và nước ngoài (các nghiên cứu viết bằng tiếng Anh) về hành động ngôn từ nói chung và hành động cầu khiến nói riêng của trẻ em với hi vọng góp phần vào nghiên cứu ngôn ngữ trẻ em ở Việt Nam.

2. Những nghiên cứu ở trên thế giới

2.1. Về hành động ngôn từ của trẻ em

Trên thế giới, việc nghiên cứu hành động ngôn từ của trẻ em được quan tâm từ rất sớm. Vào những năm 70, 80 của thế kỉ XX, các nghiên cứu tập trung vào chức năng của ngôn ngữ và cách mà trẻ học để sử dụng được các chức năng ngôn ngữ này vào quá trình tương tác. Một số tác giả tiêu biểu của thời kì này là Ninio & Bruner (1978); Snow (1977); Van der Geest (1977); Wells (1985). Năm 1975, Bruner đã miêu tả các hành động ngôn từ có thể đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận ngôn ngữ, cụ thể là ngữ pháp của trẻ nhỏ. Các yếu tố cơ bản trong sự tương tác giữa mẹ và con được quan tâm. Khi người mẹ và đứa trẻ có cùng sự chú ý thì người mẹ sẽ nói về sự vật nào đó hoặc làm điều gì đó. Đây được coi là cơ sở cho việc hình thành các cấu trúc ngữ pháp cơ bản như *sự vật - định danh* và *sự vật - hành động* và cũng chính là hành động ngôn từ đầu tiên mà trẻ tiếp nhận được đó là hành động gán nhãn/định danh (Ninio & Bruner, 1978).

Cái khó trong việc nghiên cứu hành động ngôn từ của trẻ nhỏ là khó xác định ý nghĩa mà

trẻ định thể hiện. Gán nhãn hay định danh có thể được xem như là một ví dụ cho kiểu hành động bày tỏ (*statements*) mặc dù hình thức ban đầu của nó thực hiện chức năng của hành động điều khiển (*directives*). Dore (1975) đã sử dụng các ý đồ giao tiếp của trẻ nhỏ như một khung chung trong nghiên cứu ngôn ngữ trẻ em. Ông đề xuất sử dụng hành động ngôn từ như là các đơn vị phân tích trong việc nghiên cứu ngôn ngữ trẻ nhỏ ở giai đoạn trẻ nói tiếng một, đồng thời miêu tả việc trẻ tạo ra các "hành động ngôn từ sơ khai" với phát ngôn tiếng một như thế nào. Hành động ngôn từ sơ khai nói đến cái gì đó và kết hợp với một số dấu hiệu khác như ngữ điệu hay cử chỉ. Với lí thuyết này, Dore (1975) giải thích rằng, làm thế nào mà một đứa trẻ có thể thể hiện được hai nghĩa chỉ bằng cách nói một từ đơn lẻ. Ví dụ trẻ chỉ cần nói "bóng" để định danh sự vật, nhưng nó có thể là một hành động điều khiển với ý nghĩa là trẻ muốn có sự vật đó.

Cũng theo Dore, trong công trình nghiên cứu của Owens (1998: 228), trẻ dưới 5 tuổi thường sử dụng các hành động ngôn từ sơ khai, gồm: định danh/gọi tên (*labeling*), kể lại (*repeating*), yêu cầu một hành động (*requesting an action*), yêu cầu câu trả lời (*requesting an answer*), gọi (*calling*), chào hỏi (*greeting*), phản đối (*protesting*), vận dụng (*practicing*).

Lí thuyết này cũng được Halliday ủng hộ trong nghiên cứu của Owens (1998: 229). Theo Halliday, có một vài chức năng ngữ dụng sớm ở trẻ. Như:

1) Chức năng công cụ, ví dụ: "Tôi muốn, tôi cần" với ý nghĩa là trẻ đang cố gắng nhằm thỏa mãn nhu cầu, mong muốn.

2) Chức năng điều chỉnh, ví dụ: "làm như tôi nói với bạn", có ý nghĩa là trẻ đang cố gắng kiểm soát hành vi của người khác.

3) Chức năng tương tác liên nhân, ví dụ: “tôi và bạn”, để thiết lập và xác định mối quan hệ xã hội và cố gắng tham gia vào giao thiệp xã hội.

4) Chức năng cá nhân, ví dụ: “Tôi đến đây”, để trẻ thể hiện cá tính hoặc đưa ra quan điểm, cảm nhận riêng.

5) Chức năng tưởng tượng, ví dụ: “hãy giả vờ”, tức là, trẻ sử dụng các từ ngữ thể hiện khả năng tưởng tượng sáng tạo.

6) Chức năng khám phá, nghĩa là trẻ tìm kiếm thông tin và cung cấp các thông tin, ví dụ: “tôi có một vài điều muốn nói với bạn”.

Tùy vào từng lứa tuổi và giai đoạn phát triển, trẻ có những hành động ngôn từ với các chức năng khác nhau.

Khi lớn lên, trẻ bắt đầu sử dụng các hành động ngôn từ ngày càng phức tạp hơn. Snow, Pan, Imbens-Bailey và Herman chỉ ra rằng khi trẻ 1 tuổi 2 tháng đã sử dụng hành động điều khiển như *cầu khiến*, *phản đối* và cũng có thể sử dụng một số hành động bày tỏ đơn giản và làm chủ được việc tạo ra lời chào hỏi, đưa ra câu trả lời. Đến 1 tuổi 8 tháng hầu hết các trẻ đã có thể đáp lại các hành động điều khiển bằng cách bằng cách đồng ý hoặc từ chối thực hiện yêu cầu; trẻ cũng có thể sử dụng các hành động ra lệnh để nêu ý định của mình; trẻ cũng có thể trả lời các câu hỏi có/không. Khoảng 2 tuổi 8 tháng việc tạo ra các hành động hỏi, các câu hỏi có/không và việc đáp lại các hành động điều khiển mới thể hiện một cách rõ ràng.

Blum-Kulk, Snow (2004), Damhuis (1995) đã đưa ra một gợi ý rất quan trọng đó là sự tương tác với các bạn cùng trang lứa là cơ hội rất tốt để trẻ nói. Smiley (2004) chỉ ra rằng, trẻ sử dụng các hành động điều khiển, bày tỏ, cam kết nhiều hơn khi chơi với bạn cùng lứa (cụ thể là sử dụng các hành động yêu cầu/đề nghị và các ý định bày tỏ). Bà cũng giải thích rằng, việc điều chỉnh hành vi của người khác và làm cho ý định của mình trở nên rõ ràng là điều rất quan trọng trong việc chơi với bạn cùng lứa của trẻ, điều này khác sự tương tác với người đồng trang lứa của người lớn.

Theo Martlew và các cộng sự (1978), chơi đóng vai với các bạn cùng trang lứa là một thiết lập quan trọng cho các mẫu tương tác, ở đó trẻ sử dụng các hành động điều khiển và tường thuật.

Theo tác giả Wells (1985), trẻ sử dụng lời nói mang tính kiểm soát như sử dụng hành động điều khiển, cam kết và tường thuật nhiều hơn khi chơi đóng vai, giả vờ đặc biệt là khi chơi với bạn cùng trang lứa và tính kiểm soát này sử dụng ít hơn khi tương tác với giáo viên (Georgalidou, 2008).

Brian P.Ackerman (1978) đã công bố công trình nghiên cứu về việc hiểu hành động ngôn từ của trẻ em trong các cấu trúc điều khiển không theo quy ước (Unconventional Directive Frames). Tác giả đã xem xét các cách giải thích của trẻ nhỏ (ở lớp 1 và lớp 3) về nghĩa của hành động ngôn từ gián tiếp trong các cấu trúc điều khiển không quy ước, đặt trong sự so sánh với người lớn. Kết quả cho thấy, trẻ em cũng như người lớn đã giải thích nghĩa theo ngữ cảnh một cách rất nhạy cảm ở các hành động ngôn từ gián tiếp.

Theo nghiên cứu của Dyah Anita D.(2009), trẻ từ 3-5 tuổi đã có thể tạo sản 4 loại hành động ngôn từ: điều khiển (directive) gồm: cầu khiến, mời mọc, ra lệnh, cảnh báo, gợi ý, sai khiến; cam kết (commissive) gồm: hứa hẹn, từ chối; khẳng định (assertive) và bày tỏ (expressive). Hành động tuyên bố chưa xuất hiện trong cuộc hội thoại của trẻ.

Trong công trình “Trẻ hiểu điều bộ giao tiếp và hành động ngôn từ như thế nào” Monica Bucciarelli và cộng sự (2002) đã đưa ra đề xuất một khung chung cho việc giải thích các hiện tượng ngữ dụng vốn rất đa dạng. Đặc biệt, tác giả đã nghiên cứu các khả năng hiểu các hành vi giao tiếp trực tiếp, gián tiếp, hành động châm biếm, mỉa mai,...Nghiên cứu đã tiến hành thử nghiệm trên 160 trẻ, chia làm bốn nhóm, mỗi nhóm 40 trẻ ở các độ tuổi khác nhau (từ 2 tuổi sáu 6 tháng đến 3 tuổi, 3 tuổi sáu 6 tháng đến 4 tuổi, 4 tuổi 6 tháng đến 5 tuổi 6 tháng và 6 đến 7 tuổi). Kết quả nghiên cứu cho thấy sự thay đổi dần dần về mức độ khó của các kiểu hành động ngôn từ và các cử

chỉ, điệu bộ giao tiếp. Kết quả cho thấy, trong mỗi hiện tượng, người tham gia thực hiện tốt như nhau ở cả hành động ngôn từ và cả ở cử chỉ, điệu bộ giao tiếp.

Với mục đích nghiên cứu là tìm ra bản chất của việc hiểu các biểu tượng ở trẻ nhỏ, nhóm tác giả Tricia Striano và cộng sự (2003) đã tiến hành hai nghiên cứu sâu. Nghiên cứu thứ nhất xem xét vai trò tiềm tàng của các kiểu cầu khiến trong việc tiếp nhận cử chỉ điệu bộ, các kiểu biểu tượng của trẻ nhỏ từ 1 tuổi 8 tháng đến 2 tuổi 2 tháng. Nghiên cứu thứ hai các tác giả lượng giá các kiểu cầu khiến có ảnh hưởng như thế nào tới khả năng hiểu các biểu tượng, các sự vật không quen thuộc của trẻ nhỏ (tổng số trẻ là 24). Kết quả nghiên cứu thứ nhất chỉ ra rằng trẻ 2 tuổi 2 tháng hiểu một cử chỉ hoặc một biểu tượng ngay cả khi cử chỉ hoặc biểu tượng này chưa từng được làm mẫu trước đó. Kết quả nghiên cứu thứ hai chỉ ra rằng các kiểu cầu khiến không ảnh hưởng tới khả năng hiểu của trẻ em về các sự vật. Điều này cho thấy rằng việc hiểu các biểu tượng phụ thuộc rất lớn vào khả năng hiểu ngữ cảnh và sau 2 tuổi khả năng này ngày càng phát triển.

Suzuki, T. (2011) trong công trình nghiên cứu về "Năng lực ngữ dụng của trẻ em: nghiên cứu trên trường hợp các hành động ngôn từ tiếng Anh của trẻ em Mỹ (cấp tiểu học)" đã kiểm chứng 6 hành động ngôn từ tiếng Anh, gồm: khen ngợi, cầu khiến, cảm ơn, mời mọc, xin lỗi, khuyên giải/ an ủi và đưa ra một số kết luận: các chiến lược điều khiển tích cực xuất hiện phổ biến ở các hành động như xin lỗi, cảm ơn, khen ngợi; các chiến lược điều khiển tiêu cực thường bị chi phối ở các hành động như cầu khiến, mời mọc (khi nó thuộc sự điều khiển). Đặc trưng này cũng được thể hiện phổ biến ở người lớn. Thực tế này cho thấy, các nguyên tắc chung trong việc thực hiện hành động ngôn từ được thực hiện như nhau ở các độ tuổi. Chỉ có sự khác biệt trong hành động ngôn từ giữa người lớn và trẻ nhỏ là ở số lượng các chiến lược và điều này liên quan tới mức độ phát triển về năng lực ngữ dụng. Các đặc trưng ngôn ngữ học về hành động ngôn từ ở Mỹ cũng đã được tiến hành nghiên cứu tại

Nhật Bản và cho thấy những kết quả nghiên cứu khá tương đồng. Điều này rất quan trọng trong việc tìm ra những yếu tố chung trong việc thực hiện các hành động ngôn từ và các chiến lược lịch sự ở hai ngôn ngữ, từ đó đưa ra một sự "phổ quát" trong ngôn ngữ mà chúng ta có thể quan sát được.

Trong bài viết "Các chiến lược lịch sự và hành động ngôn từ trong lớp học tại Georgia", Tinatin Kurdghelashvili (2015) đã nghiên cứu các chiến lược lịch sự và các hành động ngôn từ như: xin lỗi, cảm ơn, yêu cầu, khen ngợi/động viên, ra lệnh, đồng ý/không đồng ý, bổ sung, chuyển ý. Bằng việc quan sát và sử dụng bảng hỏi với học sinh, giáo viên và dựa trên lí thuyết hành động ngôn từ của Searle cùng các chiến lược lịch sự của Brown & Levinson, tác giả đã chỉ ra rằng học sinh có những hiểu biết nhất định về các chiến lược lịch sự nhưng chưa áp dụng nhiều trong giao tiếp và các hành động ngôn từ được sử dụng trong tương tác ở lớp học chủ yếu được giáo viên sử dụng. Điều này gợi ra các đề xuất về việc nên trau dồi năng lực giao tiếp của học sinh trong ngữ cảnh thực tế.

Như vậy, hành động ngôn từ của trẻ nhỏ đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm nghiên cứu. Các tác giả đã chỉ ra các kiểu hành động ngôn từ nào đã xuất hiện ở trẻ nhỏ, các nguyên tắc thực hiện và đặt trong sự đối sánh với việc hành động ngôn từ ở người lớn.

2.2. Về hành động cầu khiến của trẻ em

Về sự tiếp nhận/ hiểu và biểu đạt/ đáp lại hành động cầu khiến trực tiếp và gián tiếp của trẻ nhỏ cũng được rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm trong cùng khoảng thời gian những năm 70 và 80 của thế kỉ XX.

Catherine Garvey (1975) trong bài viết trên tạp chí Ngôn ngữ trẻ em với tựa đề "Cầu khiến và hồi đáp trong lời nói của trẻ em" đã tiến hành nghiên cứu khả năng truyền tải và đáp ứng các hành động cầu khiến dựa trên lời nói tự nhiên của từng cặp trẻ trong độ tuổi mẫu giáo (3 tuổi 6 tháng đến 5 tuổi 7 tháng). Các mẫu cầu khiến trực tiếp xuất hiện thường xuyên và chủ yếu diễn ra bằng lời nói. Việc kiểm tra ngữ cảnh của các hành động cầu

khiến trực tiếp đã chỉ ra rằng, người nói và người nghe đã chia sẻ những hiểu biết về các nhân tố mang nghĩa liên nhân một cách phù hợp để từ đó đưa ra hành động cầu khiến. Các nhân tố mang nghĩa này được chứng minh trong hành động biện minh, từ chối, lặp lại, diễn giải yêu cầu và điều này tạo cơ sở cho việc sử dụng hành động cầu khiến gián tiếp trong tương tác. Các ví dụ về cầu khiến suy luận cũng được tác giả đưa ra thảo luận và mối quan hệ giữa cấu trúc hành động ngôn từ và trình tự hội thoại cũng được tác giả đề xuất.

Khả năng hiểu hành động cầu khiến gián tiếp của trẻ từ 4 đến 6 tuổi cũng được Leonard LB. và các cộng sự nghiên cứu thông qua các thử nghiệm. Các tác giả đã thử nghiệm yêu cầu trẻ phán đoán phản ứng phù hợp của người nghe với các hành động cầu khiến gián tiếp, liên quan đến các vấn đề như: xây dựng cú pháp khẳng định (*Bạn có thể đóng cửa được không?*), cầu khiến có chứa một yếu tố tiêu cực (*Bạn không thể trả lời điện thoại được à?*), cầu khiến về một vấn đề có thể thay đổi (*Bạn nhất thiết phải chơi piano à?*). Kết quả cho thấy, nhóm trẻ ít tuổi nhất cũng có thể hiểu được hai kiểu cầu khiến gián tiếp đầu tiên. Tuy nhiên, chỉ nhóm trẻ 6 tuổi thì mới hiểu hành động cầu khiến cho việc thay đổi hiện trạng (tức kiểu thứ 3).

Cùng nghiên cứu về khả năng hiểu hành động cầu khiến gián tiếp của trẻ em (trong sự so sánh với người lớn), Patricia L. Carrell (1981) đã kế thừa nghiên cứu của Clark & Lucy's (1975) và đặt ra câu hỏi nghiên cứu là: "*Trẻ từ 4 đến 7 tuổi hiểu hành động cầu khiến gián tiếp như thế nào?*"; "*Mối quan hệ giữa các kiểu cầu khiến và việc tiếp nhận các kiểu cầu khiến diễn ra như thế nào giữa trẻ em và người lớn?*" Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: (1) trẻ từ 4 đến 7 tuổi có thể tiếp nhận một phạm vi khá rộng về hành động cầu khiến gián tiếp; (2) có một mẫu phát triển chung về việc thụ đắc; (3) các dạng thức nghi vấn khó hơn các dạng thức tuyên bố; (4) việc truyền tải các yêu cầu tiêu cực khó hơn việc truyền tải các yêu cầu tích cực; (5) trẻ thường bị chi phối lớn bởi hình thức cầu khiến; (6) mối quan hệ

giữa các kiểu cầu khiến và việc tiếp nhận giữa người lớn và trẻ nhỏ có sự tương đồng.

Theo Mimi Milner Elrod (1986), các nhà triết học ngôn ngữ từng thảo luận rằng, hành động cầu khiến gián tiếp thì khó hiểu hơn hành động cầu khiến trực tiếp. Song, kết quả nghiên cứu của tác giả lại chỉ ra rằng trẻ nhỏ không có sự khác biệt trong phản ứng với hai kiểu hành động cầu khiến này. Tác giả đã đề ra các mục đích nghiên cứu sau: (1) nghiên cứu việc hiểu hành động cầu khiến trực tiếp và gián tiếp của trẻ nhỏ; (2) xác định các dấu hiệu ngữ cảnh phi ngôn ngữ đã giúp trẻ hiểu hành động cầu khiến như thế nào và (3) liệu trẻ có biết chờ đợi, phán đoán được các phát ngôn của người lớn là cầu khiến hay không để từ đó có những phản ứng phù hợp? Tác giả tiến hành nghiên cứu 35 trẻ gái và 43 trẻ trai ở độ tuổi từ 39 đến 77 tháng. Phân tích dữ liệu cho thấy, trẻ rất nhỏ hiểu hành động cầu khiến trực tiếp tốt hơn hành động gián tiếp và ngữ cảnh phi ngôn ngữ dường như không đóng vai trò đáng kể trong việc hiểu của trẻ. Hơn nữa, các phản ứng của trẻ cho thấy trẻ không nhất thiết phải chờ đợi, phán đoán được các phát ngôn của người lớn là cầu khiến.

3. Những nghiên cứu ở Việt Nam

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về ngôn ngữ trẻ em đã được nghiên cứu từ khá sớm. Các vấn đề nghiên cứu chủ yếu gồm: sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em, phát triển giao tiếp, phát triển ngữ pháp, lời nói mạch lạc cho trẻ em,...Tuy nhiên việc nghiên cứu hành động ngôn từ nói chung và hành động cầu khiến ở trẻ nói riêng còn rất hạn chế.

Trong công trình "Những bước phát triển ngôn ngữ trẻ em từ 1 đến 6 tuổi (trên tư liệu ngôn ngữ trẻ em ở nội thành Hà Nội)", Lưu Thị Lan (1996) đã chỉ ra khả năng sử dụng các loại câu xét theo mục đích phát ngôn. Tác giả đã phân tích câu tường thuật và câu nghi vấn (được cho là có số lượng nhiều hơn cả). Theo đó, câu tường thuật là loại câu được hình thành sớm nhất, có số lượng cao nhất trong ngôn ngữ của trẻ ở các lứa tuổi. Câu nghi vấn cũng có những thay đổi về kiểu câu hỏi và số lượng câu hỏi, tần xuất xuất hiện câu hỏi,...Tác

giả cũng đưa ra lưu ý rằng trong quá trình phát triển ở trẻ cũng bộc lộ một số khó khăn trong việc tiếp thu và sử dụng ngôn ngữ, cần có sự giúp đỡ của những người lớn ở xung quanh. Tuy nhiên tác giả không chỉ rõ các khó khăn đó là gì.

Nguyễn Thị Thanh Ngân (2012) trong bài viết “Dạy trẻ mẫu giáo nói đúng khi cầu khiến” đã đưa ra một số gợi ý về việc giáo viên mầm non, các bậc phụ huynh cần giúp trẻ phân biệt các hành động cầu khiến cụ thể, hướng dẫn trẻ thực hiện các hành động cầu khiến ít tính lí trí khi giao tiếp với người ở vị thế cao hơn, thực hiện các hành động cầu khiến trung hòa với những bạn bè cùng trang lứa.

Đặc biệt, khi nghiên cứu về hành vi ngôn ngữ của trẻ tự kỉ (3-6 tuổi), Đào Thị Thu Thủy (2014) đã miêu tả hành vi yêu cầu của trẻ tự kỉ là “Phần lớn hành vi yêu cầu bằng ngôn ngữ của trẻ tự kỉ khá hạn chế, trẻ gặp khó khăn trong quá trình đưa ra yêu cầu với người khác. Điều này thể hiện tính thiếu chủ động của trẻ,...Chỉ có 3,23% trẻ biết chủ động đưa ra yêu cầu khi trẻ muốn có đồ vật, đồ chơi, đồ ăn hoặc trẻ muốn được hoạt động trong lĩnh vực ăn uống, giải trí,...Phần lớn trẻ chưa biết cách thể hiện hoặc thể hiện thiếu chủ động hoặc phải có người trợ giúp,... Tác giả cũng đã xây dựng 07 nhóm bài tập chức năng nhằm điều chỉnh hành vi ngôn ngữ cho các trẻ này, trong đó có bài tập chức năng điều chỉnh hành vi hiểu ngôn ngữ và bài tập chức năng điều

chỉnh hành vi ngôn ngữ diễn đạt. Tuy nhiên, thuật ngữ *hành vi ngôn ngữ* mà tác giả sử dụng xuyên suốt luận án thực chất là hành vi dùng lời (*verbal behavior*) chứ không phải hành vi ngôn ngữ tương ứng với hành động ngôn từ (*speech acts*) như trong bài viết này đang đề cập.

Trong nghiên cứu của chúng tôi với 6 trẻ (từ 3 đến 6 tuổi, 3 trẻ trai, 3 trẻ gái) tại trường Mầm non An Tường (Vĩnh Phúc) bằng phương pháp quan sát, ghi âm lời trẻ và phân tích các phát ngôn đã cho thấy, trẻ từ 3 đến 6 tuổi đã biết sử dụng và thực hiện hành động cầu khiến với nhiều tiểu loại hành động cầu khiến khác nhau. Các phát ngôn cầu khiến của trẻ được thể hiện rất phong phú thông qua hoạt động chơi cùng nhóm bạn. Qua quan sát, ghi chép các phát ngôn cầu khiến trên cùng một trẻ (bé Nguyễn Thu Ph.- 4 tuổi) trong giờ học và giờ hoạt động góc, chúng tôi thống kê được 64 phát ngôn cầu khiến của trẻ/48 phút trong hoạt động góc (trung bình có 1,3 phát ngôn cầu khiến/1 phút), trong khi đó ở giờ học thơ chỉ có 29 phát ngôn cầu khiến của trẻ được thể hiện/50 phút (trung bình có 0,6 phát ngôn cầu khiến/1 phút). Có thể thấy các hoạt động tương tác giữa trẻ với trẻ là điều kiện rất thuận lợi để trẻ có thể biểu đạt và tiếp nhận các hành động ngôn từ nói chung và hành động cầu khiến nói riêng như các tác giả Blum-Kulk, Snow (2004), Damhuis (1995) và Smiley (2004) đã đề cập ở trên.

Dưới đây là một số minh họa về 12 tiểu loại hành động cầu khiến trực tiếp của trẻ mà chúng tôi ghi âm được:

STT	Hành động cầu khiến	Mức độ cầu khiến	Nội dung mệnh lệnh	Hình thức biểu đạt điển hình	Ví dụ
1.	ra lệnh	Khiến cao nhất	Làm	Vnh, <i>hãy, đi</i>	Cô giáo giao cho C. nhiệm vụ quản lớp. C. cầm thước để đánh vào nhân những bạn không ngồi ngoan. C (nói với T): Đứng lên kia! T: Bạn có kẹo này. C: Không, đứng lên kia! Đưa chân đây! Đưa đây!
2.	cấm	Khiến cao nhất	Không làm	Vnh, <i>không được, không</i>	P: Dung không được đúc ở đây nhó, đây là tú đánh phấn của

					chị. D: Ủ.
3.	giục	khiến mạnh	Làm nhanh hơn	Hãy, đi, V + lên + ngữ điệu mạnh	L và M chơi giả vờ với búp bê. L: Dung ơi, hay là Dung đi tìm nước cho em bé, đưa đây chị bòn cháo cho. Nhanh lên kéo em bé nòn đây! M: Chai nước đây nè chị ơi.
4.	ngăn	khiến mạnh	Không làm	Chớ, đừng	L và M chơi giả vờ với búp bê. M: Để em cho em bé tắm thôi. L: Đừng có cho em bé tắm bây giờ. M: Kệ, em cứ tắm cho em bé đây.
5.	cho/ cho phép	Khiến cao	Làm	Vnh, <i>hãy, đi</i>	C (nói với T): Cho người ta cái kẹo. T: Đây. C: Kẹo cà phê à?
6.	yêu cầu	Khiến cao	Làm	Vnh, <i>hãy, đi</i>	Q, T và H chơi trò chơi làm bác sĩ. Q: Ồ. À, giả vờ anh Huy là bác sĩ. T: Ồ. Anh Huy phải đến đây chứ. Huy phải đến chỗ này chứ. H: Ồ.
7.	đề nghị	Khiến trung bình, câu thấp	Làm	Vnh, <i>hãy, nào/ nhé</i>	C và H chơi giả vờ làm vợ chồng. C: A lô em à. H: Anh ơi, về đưa em đi bệnh viện, em đang đau bụng.
8.	dặn	Khiến thấp, câu thấp	Làm	<i>Nhé</i>	P: Đồ của chị với em bé để chung nhau còn Dung để tù riêng nhớ, nhớ chưa? D: Ủ.
9.	khuyên	Khiến thấp, câu thấp	Làm/ không làm	Vnh, <i>nên/ Vnh + không nên</i>	K: Cô giáo ơi, nóng. Cô giáo ơi, con nóng. Cô giáo, con nóng. M (là bạn của K): Nóng thì cởi ra.
10.	rủ	Câu thấp	Làm	<i>Nhé, có... không</i>	P và D chơi trò chơi đi chợ. P: Đây đủ rồi, đây đủ rồi, đi chợ. Thôi mình đi chợ thôi Dung ơi. D: Ủ. em lấy giỏ em đi chợ.
11.	nhờ	Câu cao	Làm	Vnh, <i>với</i>	P và D chơi trò chơi búp bê. P: À, Dung ơi, cho em bé đi tắm nắng hộ chị. D: Không.
12.	nài	Câu rất cao	Làm	Vnh, <i>với</i>	D: Cho em mượn. P: Không được. D: Cho em mượn tí.

Bên cạnh hành động câu khiến trực tiếp, trẻ 3-6 tuổi cũng đã biết sử dụng một số phát ngôn câu khiến gián tiếp. Ví dụ phát ngôn đề nghị gián tiếp (hỏi - đề nghị):

P và D (4 tuổi) chơi trò chơi em bé búp bê.

- P: A, hay là Dung nấu nước cho em bé?
- D: Ủ. Đồ.

Ví dụ phát ngôn đề nghị gián tiếp (trần thuật - đề nghị):

C và H (5 tuổi) chơi trò chơi gia đình.

- C: Em ơi, con nó khóc này.

- H: Vâng. Em vào đây.

Phát ngôn “*Em ơi, con nó khóc này*” của bé C là một phát ngôn trần thuật, thông báo sự việc “con khóc”. Thông qua lời đáp của bé H, có thể suy ra, phát ngôn của bé C nhằm mục đích đề nghị H vào dỗ hoặc trông con.

Một số kết quả nghiên cứu trên đây của chúng tôi mới chỉ ở bước ban đầu.

4. Thay lời kết

Nói tóm lại, hành động ngôn từ ở trẻ em đã được các nhà nghiên cứu trên thế giới đã quan tâm đến vấn đề này rất sớm, khoảng hơn nửa thế kỉ nay, từ việc phân loại cho đến miêu tả các hành động này. Nhiều phát hiện mới về hành động ngôn từ trực tiếp lẫn gián tiếp ở trẻ. Ở nước ta, nghiên cứu hành động ngôn từ và hành động câu khiến của trẻ em ở nước ta còn chưa nhiều. Hi vọng rằng, vấn đề hành động ngôn từ nói chung và hành động câu khiến nói riêng ở trẻ em sẽ ngày càng được quan tâm sâu sắc hơn, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu lí luận và thực tiễn ở nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Lưu Thị Lan (1996), *Những bước phát triển ngôn ngữ trẻ em từ 1 đến 6 tuổi (trên tư liệu ngôn ngữ trẻ em ở nội thành Hà Nội)*. LATS Ngữ văn. ĐH Khoa học và Nhân văn.

2. Nguyễn Thị Thanh Ngân (2008), *Dạy trẻ mẫu giáo nói đúng khi cầu khiến*. Kì yếu hội thảo Giáo dục ngôn ngữ tại Việt Nam.

3. Đào Thị Thu Thủy (2014), *Điều chỉnh hành vi ngôn ngữ của trẻ từ 3-6 tuổi dựa vào bài tập chức năng*. Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

Tiếng Anh:

4. Brian P. Ackerman (1978), *Children's understanding of speech acts in unconventional directive frames*. Published by: Wiley on behalf of the Society for Research in Child Development, DOI: 10.2307/1128692.

5. Catherine Garvey (1975), *Requests and responses in children's speech*. Journal of Child Language. The Johns Hopkins University.

6. Dyah Anita D. (2009), *The speech act and communication strategy in children of 3-5 years old (A case study of the children of 3-5 years old*

in semarang). A Thesis in Partial Fulfillment of the Requirements For The Sarjana Degree Linguistics Majority in English Department, Faculty of Humanities Diponegoro University.

7. Monica Bucciarelli, Livia Colle, Bruno G. Bara (2002), *How children comprehend speech acts and communicative gestures*. Journal of Pragmatics 35 (2003) 207-241.

8. Mimi Milner Elrod (1986), *Children's understanding of indirect requests*. Department of Child Development, Iowa State University, USA.

9. Owens, Robert. E. Jr. (1998), *Language development an introduction second edition*. Ohio: Merrill Publishing Company.

10. Patricia L. Carrell (1981), *Children's understanding of indirect requests: comparing child and adult comprehension*. Journal of Child Language. Southern Illinois University at Carbondale.

11. Suzuki, T. (2011), *Children's pragmatic competence: A case study of English speech acts performed by American children*. Japan Society for the Promotion of Scientific Research.

12. Tinatin Kurdghelashvili (2015), *Speech acts and politeness strategies in an EFL classroom in georgia*. International Journal of Social, Behavioral, Educational, Economic, Business and Industrial Engineering Vol:9, No:1, 2015.

13. Tricia Striano, Philippe Rochat and Maria Legerstee (2003), *The role of modelling and request type on symbolic comprehension of objects and gestures in young children*. Journal of Child Language/Volume 30/Issue 01/February 2003, p.27-45.

Abstract: In the world, the study of children's speech acts was concerned early, especially the request that belongs to directive speech acts. In Vietnam, the study of speech acts in general and request of children in particular have a lot of new issues. This article focuses on reviewing the study in the world and in our country of children's speech acts and children's request. We hope that this article will revive a new research problem in our country today.

Key words: speech acts; request; children's language.